TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST

Ngày 25-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng

Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vỉ, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Hẻm A đường LTK, khóm A, phường 6, tHnh phố Cà Mau. (có mặt)

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Thiên Thơ là Luật sư – Văn phòng Luật sư Mai Thiên Thơ - Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

-Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Ấp XM, xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị K

Địa chỉ cư trú: Số A đường LVL, Khóm 1, Phường 1, tHnh phố Cà Mau. (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị H

Địa chỉ cư trú: Hẻm A đường LTK, khóm A, phường 6, tHnh phố Cà Mau. (có mặt)

4. Ông Nguyễn Hoàng O

Địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2022, biên bản hòa giải ngày 11/11/2022, ngày 08/12/2022, ngày 04/4/2023 cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông N, bà T, ông L và bà K là anh chị em ruột. Ông L là anh thứ 6, ông N thứ 8, bà T thứ 11, ba K là út 12. Do bà K đang gặp khó khăn nên bà T có điện thoại cho ông N mượn tiền giúp bà K và ông N đồng ý. Vào ngày 12/02/2020 ông L chở bà T đến gặp ông N tại quán cà phê để anh em gặp nhau. Sau khi ông N thống nhất cho bà T mượn 100.000.000 đồng để giúp bà K thì bà T về do cháu khóc, ông L ở lại với ông N đến buổi chiều cùng ngày thì cùng ông N đến Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để rút tiền và ông N giao tiền cho ông L trực tiếp nhận về giao cho bà K. Khi bà T mượn tiền giữa ông N và bà T có thỏa thuận miệng thời gian mượn tiền là 01 tháng nếu quá 01 tháng thì bà T phải trả lãi theo lãi suất ngân hàng ông N đã gửi tiền. Khi ông N giao tiền cho ông L nhận ông L cũng không báo cho bà T biết việc ông N đã giao tiền cho ông L vì nghĩ là anh em ruột với nhau. Đến khoảng 03 tháng sau khi ông N giao tiền cho ông L thì bà T không có hoàn trả số tiền như đã thỏa thuận nên ông N điện thoại cho bà T và bà T kêu ông N lấy đất trừ tiền vì bà T không có khả năng trả nợ. Do thấy bà T không có thành ý trả nợ nên ông N kêu ông L viết biên nhận về việc có nhận của ông N số tiền 100.000.000 đồng đề ngày 12/02/2020.

Khi ông N cho bà T mượn 100.000.000 đồng vợ ông N là bà H không biết. Đến khi bà T không trả thì bà H mới biết sự việc và bà H có điện thoại để đòi tiền bà T.

Nay, ông N yêu cầu bà T hoàn trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi suất với số tiền 24.000.000 đồng. Bởi vì, tuy ông L là người viết biên nhận nhận tiền nhưng bà Tiền là người đứng ra hỏi vay và có nhờ ông L nhận dùm nên trách nhiệm trả nợ vay là của

bà Tiền.

**Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Bích T trình bày:*

Bà T thừa nhận có cùng đi với ông Nguyễn Văn L đến quán cà phê tại Cà Mau nhưng mục đích là để anh em gặp nhau bàn bạc để ông N đưa số tiền 100.000.000 đồng giúp cho bà K đang gặp khó khăn. Bà T, ông L và ông N gặp nhau nói chuyện và ông N thống nhất cho bà K mượn 100.000.000 đồng. Do tiền ông N đang gửi ngân hàng nên ông N có nói hết giờ buổi sáng không kịp rút tiền để buổi chiều ông N rút tiền. Sau đó bà T về còn việc ông N có rút tiền không và đưa cho ai bà T không biết.

Nay bà T không thống nhất theo yêu cầu của ông N. Bởi vì bà T chỉ gặp ông L, ông N để bàn bạc ai có khả năng thì giúp bà K; bà T không có trực tiếp nhận tiền của ông N, không có sử dụng số tiền 100.000.000 đồng của ông N.

**Tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2022, ngày 20/02/2022, ngày 04/4/2023 cũng như tại phiên tòa ông Mai Thiên Thơ là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Bích T trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà T. Bà T không có trách nhiệm và N vụ phải thanh toán khoản nợ 124.000.000 đồng cho ông N. Bởi vì, bà T không có biên bản hay thỏa thuận vay dùm tiền cho bà K mà bà T chỉ đi gặp ông N nói giúp để ông N cho bà K vay tiền khi khó khăn; bà T không có viết biên nhận, không có nhờ ông L nhận tiền của ông N, không có trực tiếp nhận tiền từ ông N mà do ông L nhận. Đồng thời, biên nhận là do ông L tự ghi, không có sự thống nhất của bà T, bà T không có ký tên vào biên nhận. Vì vậy, N vụ trả nợ cho ông N là của ông L, bà T không liên quan. Vì vậy đề nghị bác yêu cầu của ông N về việc yêu cầu bà T hoàn trả tổng số tiền 124.000.000 đồng.

**Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L:*

Ông L thống nhất với phần trình bày của ông N về việc ông L và bà T có đến quán cà phê tại Cà Mau để gặp ông N hỏi số tiền 100.000.000 đồng giúp dùm cho bà K (tên gọi khác là út 12). Tuy nhiên, ông L chỉ là người chạy xe ôm chở bà T đến quán gặp ông N. Tại quán cà phê, bà T hỏi ông N mượn 100.000.000 đồng để đưa cho bà K và bà T hứa trong vòng 01 tháng bà T sẽ trả lại nhưng hai bên không có làm giấy tờ biên nhận về sự thỏa thuận này. Sau khi thỏa thuận xong thì bà T về trước vì cháu bà T khóc. Đến đầu giờ chiều cùng ngày ông N rút tiền tại ngân Hng và đưa ông L nhận tiền. Sau khi ông L nhận tiền của ông N thì ông L đem 100.000.000 đồng đến nhà giao trực tiếp cho bà K nhận trong cùng ngày 12/02/2020 nhưng ông L không có nói cho bà T biết là ông L nhận tiền đưa cho bà K xong. Sau khi ông L đưa tiền cho bà K khoảng 03 tháng sau ông L có viết biên nhận đề ngày 12/02/2020 về việc ông và bà T nhận 100.000.000 đồng của ông N nhưng bà T không biết và không có ký tên trong biên nhận.

Nay ông L cho rằng số tiền của ông N do bà K nhận và sử dụng ông và bà T

không có sử dụng nhưng theo ông L thì bà T có trách nhiệm trả tiền cho ông N. Bởi vì, bà T trực tiếp gặp ông N hỏi mượn tiền, bà K hỏi mượn tiền ông N sẽ không cho vì bà K còn nợ tiền ông N; còn ông L chỉ là người chở bà T ra gặp ông N nên ông không liên quan.

**Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị H trình bày:*

Bà H thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông N. Việc ông N cho bà T vay 100.000.000 đồng bà H không biết. Nhưng sau khi bà H biết sự việc bà có điện cho bà T và quá trình nói chuyện bà có ghi âm lại. Đoạn ghi âm nói chuyện giữa bà và bà T bà đã ghi đầy đủ thành văn bản cung cấp tại hồ sơ.

Nay, bà yêu cầu bà T hoàn trả số tiền vay vốn 100.000.000 đồng và lãi suất với số tiền 24.000.000 đồng cho vợ chồng bà H.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Ông N yêu cầu bà T có N vụ hoàn trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi suất với số tiền 24.000.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ cho rằng yêu cầu của ông N là không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của ông N. Án phí sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bích T thanh toán tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi là 24.000.000 đồng nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bà T có địa chỉ cư trú tại ấp PH, xã BBD, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K nhưng bà K vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét

xử tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt bà K theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông O có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vụ án vắng mặt ông O theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, ông N yêu cầu bà T có N vụ thanh toán số tiền vay còn nợ là 124.000.000 đồng nhưng bà T không thống nhất hoàn trả theo yêu cầu của ông N.

[4] Xét thấy, tại biên bản hòa giải bà T thừa nhận vào ngày 12/02/2020 bà T có cùng với ông L đến quán cà phê để gặp ông N bàn bạc vấn đề liên quan số tiền 100.000.000 đồng giúp người em ruột tên Nguyễn Thị K đang gặp khó khăn. Tuy nhiên bà T cho rằng bà không có trách nhiệm để hoàn trả tổng số tiền 124.000.000 đồng. Bởi vì bà T cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cùng xác định mục đích bà T cùng ông L đến gặp ông N là để nói giúp cho ông N cho bà K vay tiền. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông N, ông L và bà T cùng thừa nhận là anh chị em ruột với bà Nguyễn Thị K. Đồng thời ông L và bà T cùng thừa nhận do anh em muốn giúp bà K và ông N có tiền gửi ngân Hng nên anh em cùng gặp nhau bàn bạc để lấy tiền ông N giúp bà K là phù hợp với lời trình bày của bà T. Ông L và ông N cùng thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng là do ông N rút tiền từ ngân hàng giao ông L nhận trực tiếp không có mặt bà T. Ông L thừa nhận khi anh em gặp nhau tại quán cà phê thì bà T có nói lấy số tiền 100.000.000 đồng của ông N để đưa bà K nhưng khi nhận tiền và đưa 100.000.000 đồng cho bà K là do ông L thực hiện bà T không biết. Sau khi ông N đưa tiền cho ông L và ông L đến nH giao bà K nhận ông L và ông N không có thông báo cho bà T biết. Ông L thừa nhận là người trực tiếp nhận 100.000.000 đồng của ông N và khoảng 03 tháng sau ông L là người viết biên nhận cho ông N đề ngày 12/02/2020. Vì vậy, quá trình hòa giải ông L, bà T và người bảo vệ quyền và lợi ích của bà T cùng xác định trách nhiệm thanh toán nợ không phải của bà T là có cơ sở.

[5] Tại phiên tòa ông L cho rằng ông là người chạy xe ôm chở bà T đi gặp ông N nên ông không liên quan đến số tiền của ông N yêu cầu bà T trả là 124.000.000 đồng. Tuy nhiên ông L thừa nhận ông là người trực tiếp nhận tiền và viết biên nhận ngày 12/02/2020 với nội dung: "...Tôi Nguyễn Văn L sinh năm 1962 cùng em ruột tôi Nguyễn Kim T trú xã BBD, Thới Bình, Cà Mau. Vào ngày 12/02/2020 tôi và T có hỏi của Nguyễn Văn N trú khóm 3, phường 6,....số tiền 100.000.000 đồng...tại ngân hàng Vietinbank, lãi suất theo ngân hàng hỏi trong vòng 01 tháng số tiền này giao cho út 12 em ruột của tôi và T...". Xét thấy, nội dung biên nhận ngày 12/02/2020 do ông L tự viết thể hiện ông L và bà Tiền cùng hỏi vay tiền ông N nên việc ông L cho rằng không có

liên quan là không có cơ sở. Tại phiên tòa, ông L thừa nhận ông L có sơ suất khi viết biên nhận giao cho ông N. Hơn nữa, ông L, ông N cho rằng bà T là người trực tiếp hỏi mượn tiền và chịu trách nhiệm nên ông N mới đưa 100.000.000 đồng nhưng người nhận tiền là ông L và sau khi ông L giao tiền xong cho bà K ông N, ông L cũng thừa nhận không có thông báo lại cho bà T biết sự việc số tiền 100.000.000 đồng đã giao đến bà K nhận; biên nhận ngày 12/02/2020 cũng do ông L tự viết và ký tên bà T không biết.

Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông N, bà H cho rằng bà T có thừa nhận qua điện thoại khi bà H nói chuyện với bà T về số tiền vay vốn 100.000.000 đồng là trách nhiệm của bà T. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông N, bà H có cung cấp đoạn ghi âm, văn bản ghi lại nội dung đoạn ghi âm và bà T thừa nhận có nói chuyện qua điện thoại nên việc giám định giọng nói trong đoạn ghi âm là không cần thiết. Tuy nhiên qua xem xét nội dung đoạn thoại đã được ghi lại tHnh văn bản gửi cho Tòa án ngày 20/02/2023 và 11/7/2023 thì không có cơ sở cho rằng trách nhiệm thanh toán nợ là của bà T. Tại phiên tòa ông N, bà H không cung cấp chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm mà ông bà cung cấp.

Vì vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T cho rằng trách nhiệm thanh toán số tiền 124.000.000 đồng không phải của bà T mà là trách nhiệm của ông L là phù hợp. Tuy nhiên ông N vẫn bảo lưu yêu cầu bà T phải có N vụ hoàn trả cho ông N, bà H tổng số tiền 124.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trách nhiệm trả nợ của ông L tại vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên không có căn cứ buộc bà T phải có N vụ thanh toán cho ông N, bà H tổng số tiền 124.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu bà Nguyễn Bích T có N vụ thanh toán tổng số tiền vốn và lãi theo biên nhận ngày 12/02/2020 là 124.000.000 đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải nộp 6.200.000 đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Vào ngày 11/10/2022 ông Nguyễn Văn N có dự nộp 3.100.000 đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003012 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thới Bình nay được đối trừ. Ông N phải nộp số tiền còn lại là 3.100.000 đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang